TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 457/2017/QĐST- HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 15 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 522 /2017/ TLST - HNGĐ ngày 03tháng 8 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Trần Minh V, sinh năm 1988.

HKTT: Thôn A, thị trấn ALT, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

Bị đơn: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1987.

HKTT: Xóm Tr, xã Ph, TP. Th, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2017,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07/9/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Trần Minh V, sinh năm 1988.

HKTT: Thôn A, thị trấn ALT, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

Bị đơn: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1987.

HKTT: Xóm Tr, xã Ph, TP. Th, tỉnh Thái Nguyên

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Minh V và chị Lê Thị Thu H nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai bên thống nhất chị Lê Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Ngân T, sinh ngày 19/7/2014 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh V do chị H không có yêu cầu. Anh V được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

2.3. Tài sản- công nợ chung: Tự thỏa thuận. Không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Hai bên thỏa thuận, anh V nhận nhận nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005417 ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên. Hoàn lại cho anh V 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án..

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà